

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

- Nhận biết và đọc đúng âm y và các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn chứa y; hiểu và trả lời được các câu hỏi liên quan đến nội dung đã đọc.
- Viết đúng chữ y (kiểu chữ thường) và các tiếng, từ ngữ có chứa y.
- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa y.
- Biết cách nói lời cảm ơn trong một số tình huống và cách thức cảm ơn.
- Phát triển kĩ năng quan sát, nhận biết và suy đoán nội dung tranh minh hoạ (tranh thời gian quý hơn vàng bạc, tranh mẹ và Hà ghé nhà dì Kha, tranh cảm ơn,...)

II CHUẨN BỊ

- Nắm vững đặc điểm phát âm, cấu tạo và cách viết chữ *y* và những quy định chính tả có liên quan đến chữ *y*. Có hiểu biết về những tình huống giao tiếp nói lời cảm ơn, cách dùng ngôn ngữ và các phương tiện phi ngôn ngữ khi cảm ơn.
- Nắm vững quy ước chính tả đối với chữ *y* và *i* khi dùng để ghi nguyên âm *i*, chữ *y* chỉ đi sau *qu*, chữ *i* đi sau các âm còn lại. Riêng đối với tên riêng thì dùng *i* hay *y* là theo đúng cách viết của tên riêng đó.
- Biết được sự khác biệt trong dùng từ chỉ quan hệ thân thuộc giữa các vùng miền. Từ *đi* ở cả 3 miền đều dùng để chỉ em gái của mẹ. Nhưng chị gái của mẹ ở miền Trung và miền Nam gọi là *đi*, còn ở miền Bắc gọi là *bác*.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ôn và khởi động

Ôn lại những chữ vừa học trong bài trước (*v, x*) và tạo tâm thế cho giờ học.

2. Nhận biết

- Yêu cầu HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi *Em thấy gì trong tranh?* Một số (2 – 3) HS trả lời.
- GV và HS thống nhất câu trả lời.
- GV nói câu thuyết minh (nhận biết) dưới tranh và HS nói theo. GV cũng có thể đọc thành tiếng câu nhận biết và yêu cầu HS đọc theo. GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thì dừng lại để HS đọc theo. GV và HS lặp lại câu nhận biết một số lần: *Thời gian quý hơn vàng bạc.*
- GV giúp HS nhận biết tiếng có âm *y* (*quý*) và giới thiệu chữ ghi âm *y*.

3. Đọc âm, tiếng, từ ngữ

a. Đọc âm

- GV đưa chữ *y* để giúp HS nhận biết chữ mới trong bài học này.
- GV đọc mẫu âm *y*.
- Một số (4 – 5) HS đọc âm *y*, sau đó từng nhóm và cả lớp đọc đồng thanh một số lần.

b. Đọc tiếng

- Đọc tiếng mẫu
 - + GV giới thiệu mô hình tiếng mẫu *quý* (trong SHS). GV khuyến khích HS vận dụng mô hình tiếng đã học để nhận biết mô hình và đọc thành tiếng *quý*.
 - + Một số (4 – 5) HS đánh vần tiếng mẫu *quý* (*quờ - y - quý - sắc - quý*). Lớp đánh vần đồng thanh tiếng mẫu.
 - + Một số (4 – 5) HS đọc trơn tiếng mẫu. Cả lớp đọc trơn đồng thanh tiếng mẫu.

- Đọc tiếng trong SHS
 - + Đọc tiếng: *y, quy, quý, quỳ, quỵ, quỷ*.
 - GV đưa các tiếng và yêu cầu HS tìm điểm chung (cùng chứa *y*).
 - Đánh vần tiếng: Một số HS đánh vần tất cả các tiếng có cùng chữ đang học.
 - Đọc trơn các tiếng có cùng chữ đang học.
 - + Một số (3 – 4) HS đọc trơn, mỗi HS đọc trơn 3 – 4 tiếng có cả hai âm.
 - + Một số (2 – 3) HS đọc tất cả các tiếng.
- Ghép chữ cái tạo tiếng
 - + HS tự tạo các tiếng có chứa *y*
 - + GV yêu cầu 3 – 4 HS phân tích tiếng, 2 – 3 HS nêu lại cách ghép.
 - + Lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng mới ghép được.

c. Đọc từ ngữ

- GV lần lượt đưa tranh minh họa cho từng từ ngữ: *y tá, dĩa quỳ, đá quý*. Sau khi đưa tranh minh họa cho mỗi từ ngữ, chẳng hạn *y tá*, GV nêu yêu cầu nói tên sự vật trong tranh. GV cho từ ngữ *y tá* xuất hiện dưới tranh. HS nhận biết tiếng *y* trong *y tá*, đọc trơn *y*. GV thực hiện các bước tương tự đối với *dĩa quỳ, đá quý*.
- HS đọc trơn nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ, 3 – 4 lượt HS đọc. 2 – 3 HS đọc trơn các từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh một số lần.

d. Đọc lại các tiếng, từ ngữ

Từng nhóm và sau đó cả lớp đọc đồng thanh một lần.

4. Viết bảng

- GV đưa mẫu chữ *y* và hướng dẫn HS quan sát.
- GV viết mẫu và nêu quy trình viết chữ *y*.
- HS viết vào bảng con chữ, từ ngữ *y, quý*.
- HS nhận xét, đánh giá chữ viết của bạn.
- GV nhận xét, đánh giá chữ viết của HS.
- GV quan sát và sửa lỗi cho HS.

TIẾT 2

5. Viết vở

- HS viết vào vở *Tập viết 1, tập một chữ y; từ y tá, đá quý*.
- GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.
- GV nhận xét và sửa lỗi cho một số HS.

6. Đọc câu, đoạn

- GV đọc mẫu cả đoạn.
- HS đọc thầm cả đoạn và tìm tiếng có chứa *y*.

- GV yêu cầu HS xác định số câu trong đoạn văn. Một số HS đọc thành tiếng nối tiếp từng câu (mỗi HS một câu), khoảng 1 – 2 lần. Sau đó từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh một lần.
- Một số (2 – 3) HS đọc thành tiếng cả đoạn.
- HS trả lời một số câu hỏi về nội dung đoạn văn đã đọc:
 - + *Di của Hà tên là gì?* (Di của Hà tên là Kha.)
 - + *Di thường kể cho Hà nghe về ai?* (Di thường kể cho Hà nghe về bà.)
 - + *Theo em vì sao Hà chú ý nghe di kể?* (Câu hỏi mở. HS có thể trả lời: Hà chú ý nghe vì di kể về bà; Hà chú ý nghe vì di kể chuyện rất vui;...)

7. Nói theo tranh

- HS quan sát tranh trong SHS. GV đặt từng câu hỏi cho HS trả lời: *Em thấy gì trong tranh? Trong tranh, ai đang cảm ơn ai? Ánh mắt của người cảm ơn trong hai tranh có gì khác nhau? Theo em, người nào có ánh mắt phù hợp khi cảm ơn? Qua đó, em ghi nhớ điều gì khi cảm ơn?*
- GV có thể đặt thêm câu hỏi: *Cần ghi nhớ thêm điều gì nữa về cảm ơn?* Một số (2 – 3) HS trả lời. GV chốt một số ý: cần cảm ơn khi được người khác giúp đỡ dù chỉ là việc nhỏ; cần thể hiện sự chân thành khi cảm ơn.

8. Củng cố

- HS tìm từ ngữ có chứa *y* và đặt câu với các từ ngữ tìm được. (Lưu ý: *y* chỉ đi với chữ *qu*. Với các chữ cái khác, ta sẽ viết thành *i* (*lí lẽ, lí nhí, mi mắt, đi về, hi vọng...*)).
- GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.
- GV lưu ý HS ôn lại chữ *y* và khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà.